

**BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Dự án: thành phần 1 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1 đoạn  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình An)

| STT                                            | Họ và tên                  | Diện tích đất (m2) |       |                 |                | Bồi thường đất | Hỗ trợ đất | Nhà, vật kiến trúc | Cây trồng | Tài sản khác | Hỗ trợ các loại | Thưởng di dời | Tổng cộng   |
|------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|-------|-----------------|----------------|----------------|------------|--------------------|-----------|--------------|-----------------|---------------|-------------|
|                                                |                            | Tổng số            | Đất ở | Đất nông nghiệp | Đất giao thông |                |            |                    |           |              |                 |               |             |
| 1                                              | Kim Sơn Hải, Nguyễn Thị Hà | -                  |       | -               | -              | -              | -          | -                  | -         | -            | 119,104,800     | -             | 119,104,800 |
| TỔNG                                           |                            | -                  |       | -               | -              | -              | -          | -                  | -         | -            | 119,104,800     | -             | 119,104,800 |
| 1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:            |                            |                    |       |                 |                |                |            |                    |           |              |                 |               | 119,104,800 |
| 2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%: |                            |                    |       |                 |                |                |            |                    |           |              |                 |               | 4,168,668   |
| - Kinh phí cho TTPTQĐ (2.975%)                 |                            |                    |       |                 |                |                |            |                    |           |              |                 |               | 3,543,368   |
| - Kinh phí cho UBND xã (0.525%)                |                            |                    |       |                 |                |                |            |                    |           |              |                 |               | 625,300     |
| Tổng cộng (1+2):                               |                            |                    |       |                 |                |                |            |                    |           |              |                 |               | 123,273,468 |